

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty : Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)
Trụ sở chính : 131 Trần Hưng Đạo, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Điện thoại : (84.292) 3 735 677 - (84.290) 3 735 678
Fax : (84.292) 3 735 666/ (84.290) 3 827 798
Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Quốc Phương**
Địa chỉ : Số 151 - Ấp 1 - Tắc Vân - Tp. Cà Mau - Tỉnh Cà Mau.
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84.292) 3 735 677 - (84.290) 3 735 678
Fax : (84.292) 3 735 666/ (84.290) 3 827 798
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn Công bố thông tin trên TTCK;

Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (MGD: PVC-Mekong/ MCK: PXC) công bố thông tin Báo cáo tài chính 2017 sau kiểm toán (Báo cáo tổng hợp).

Nội dung công bố thông tin được đăng tải tại trang web www.pvcmekong.vn. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 29 tháng 3 năm 2017
TU. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Phan Quốc Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

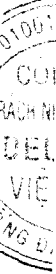
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Võ Văn Hạng	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Huy	Thành viên
Ông Phí Ngọc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Thành viên

Ban Giám đốc

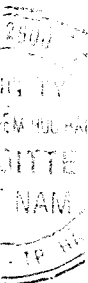
Ông Trần Quốc Huy	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh	Phó Giám đốc
Ông Lê Sanh Thành	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2017)
Ông Phan Thanh Sang	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
Số 131, Trần Hưng Đạo, phường An Phú, quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Quốc Huy
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018



Số: *708* /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 99 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 33,9 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 384,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 312,2 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Công ty đang thiếu hụt nghiêm trọng khoản vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như dòng tiền, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về cam kết tiếp tục hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các bằng chứng cho thấy khả năng trả nợ của Công ty cho các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

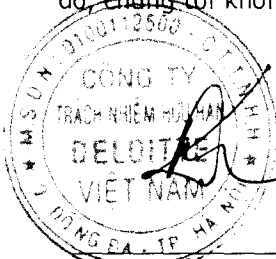
Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

(ii) Như trình bày tại các Thuyết minh số 9 và số 18 phần Thuyết minh báo tài chính, ngày 01 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã ra quyết định buộc Công ty phải có trách nhiệm trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau) số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong trường hợp Công ty không trả được số nợ nêu trên thì Oceanbank Cà Mau có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu quyết định cưỡng chế thi hành án bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Tòa nhà Bạc Liêu Tower, máy móc thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ khác nằm trên đất theo quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước, tọa lạc tại khóm 01, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, Công ty không đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của tòa nhà Bạc Liêu Tower nên không điều chỉnh giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của tòa nhà Bạc Liêu Tower cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

(iii) Như trình bày tại Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán với giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho khoản đầu tư này lần lượt là 5,4 tỷ VND và 5,4 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị hợp lý đối với khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1924-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262.558.859.536	363.564.906.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.827.978.569	32.290.920.633
1. Tiền	111		1.432.978.569	15.002.832.633
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.395.000.000	17.288.088.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.888.749.322	131.185.895.689
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	61.057.100.520	99.769.290.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	3.348.238.956	26.186.000.637
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	25.772.036.631	31.466.226.104
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(32.535.713.314)	(29.145.116.416)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		247.086.529	2.909.495.185
III. Hàng tồn kho	140	9	196.428.240.072	196.623.427.465
1. Hàng tồn kho	141		231.572.511.937	230.926.792.711
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.144.271.865)	(34.303.365.246)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.413.891.573	3.464.663.188
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	302.444.770
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.413.891.573	3.162.218.418
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.057.094.486	16.676.067.764
I. Tài sản cố định	220		9.057.094.486	10.609.577.551
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.955.844.486	10.508.327.547
- Nguyên giá	222		22.930.196.752	29.859.874.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.974.352.266)	(19.351.547.047)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	101.250.000	101.250.004
- Nguyên giá	228		338.318.800	338.318.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(237.068.800)	(237.068.796)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	153.559.383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	153.559.383
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	5.400.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	5.400.000.000	5.400.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.400.000.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	512.930.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	512.930.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		271.615.954.022	380.240.974.739

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		361.626.431.865	397.510.379.219
I. Nợ ngắn hạn	310		361.626.431.865	397.510.379.219
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	66.265.540.128	82.920.061.545
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.693.693.403	16.481.277.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	33.859.157.807	31.884.142.053
4. Phải trả người lao động	314		546.012.125	1.042.986.422
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	74.375.524.207	73.356.524.064
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	271.169.699
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	65.346.873.877	69.127.587.855
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	119.539.630.318	122.426.630.318
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(90.010.477.843)	(17.269.404.480)
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	(90.010.477.843)	(17.269.404.480)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.689.000.000	280.689.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.689.000.000	280.689.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.126.552.489	6.126.552.489
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.147.302.725	8.147.302.725
4. (Lỗ) lũy kế	421		(384.973.333.057)	(312.232.259.694)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(312.232.259.694)	(294.708.243.540)
- (Lỗ) năm nay	421b		(72.741.073.363)	(17.524.016.154)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		271.615.954.022	380.240.974.739

Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Vũ Đức Tiên
Phụ trách kế toán



Trần Quốc Huy
Giám đốc


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

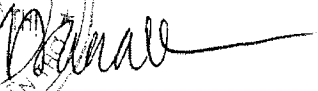
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

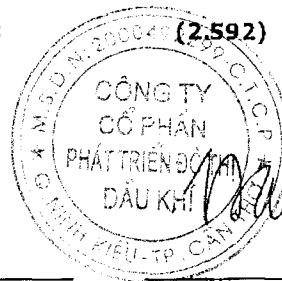
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	161.048.001.525	252.917.005.060
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		161.048.001.525	252.917.005.060
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	154.424.694.333	236.422.870.774
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.623.307.192	16.494.134.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		139.114.208	112.663.859
7. Chi phí tài chính	22	24	60.722.427.476	1.590.683.689
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.322.427.476	395.365.001
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		12.016.894.545	14.956.460.895
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(65.976.900.621)	59.653.561
10. Thu nhập khác	31	25	5.579.166.925	2.873.856.300
11. Chi phí khác	32	26	12.343.339.667	19.413.360.793
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(6.764.172.742)	(16.539.504.493)
13. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(72.741.073.363)	(16.479.850.932)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	1.044.165.222
15. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(72.741.073.363)	(17.524.016.154)
16. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(2.592)	(624)


Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu


Vũ Đức Tiên
Phụ trách kế toán


Trần Quốc Huy
Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

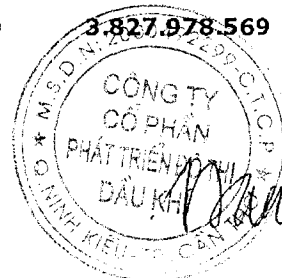
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(72.741.073.363)	(16.479.850.932)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	878.568.332	1.306.476.935
Các khoản dự phòng	03	9.631.503.517	5.900.817.608
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(139.114.208)	138.955.551
Chi phí lãi vay	06	55.322.427.476	395.365.001
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.047.688.246)	(8.738.235.837)
Thay đổi các khoản phải thu	09	76.162.312.578	(65.258.551.875)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(645.719.226)	37.450.057.175
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(95.812.264.854)	68.695.469.719
Thay đổi chi phí trả trước	12	(436.297.555)	(2.874.498.647)
Tiền lãi vay đã trả	14	(176.000)	(22.901.666)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(638.598.097)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.779.833.303)	28.612.740.772
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.064.777.031	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	530.140.256
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	139.114.208	112.663.859
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.203.891.239	642.804.115
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.887.000.000)	(2.068.717.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.887.000.000)	(2.068.717.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(28.462.942.064)	27.186.827.887
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	32.290.920.633	5.104.092.746
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	3.827.978.569	32.290.920.633

Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Vũ Đức Tiên
Phụ trách kế toán



Trần Quốc Huy
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000117 ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 số 2000492299 ngày 23 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 là 280.689.000.000 VND, tương ứng với 28.068.900 cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 64 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Tái chế phế liệu; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tư vấn hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm: khảo sát đo đạc địa hình, khảo sát địa chất công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn quản lý dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công - lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình; Thẩm tra hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình, thẩm tra dự toán quy hoạch xây dựng và dự toán chi phí các công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; Tư vấn về đấu thầu; Giám sát khảo sát, thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị; Kiểm định chất lượng công trình; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tư vấn về định giá giá xây dựng công trình, lập định mức, đơn giá xây dựng công trình; Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị - nông thôn và dầu khí, bao gồm cả hợp đồng EPC và chìa khóa trao tay; Tư vấn xây dựng đơn giá định mức chuyên ngành xây dựng dầu khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng xây dựng;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản; Đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu nhà ở, cao ốc văn phòng, khu thương mại, khu công nghiệp và kinh doanh du lịch; Đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, bao gồm cả kinh doanh sản phẩm dầu khí, hóa dầu, phân bón, hóa chất; Tầng trữ và vận chuyển xăng, dầu, khí hóa lỏng và các sản phẩm dầu khí; Chế tạo, lắp đặt và sản xuất kinh doanh thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí; Lắp đặt hệ thống thiết bị, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp; Lắp đặt các hệ thống đường ống dẫn khí, đường dây tải điện; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị xây dựng dầu khí, điện tử, thương mại và dịch vụ tổng hợp;
- Môi giới thương mại, xúc tiến thương mại, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng;
- Kinh doanh bê tông trộn sẵn; Kinh doanh vận tải vật tư, hàng hoá, hành khách bằng đường bộ và đường thủy; Cho thuê máy móc và thiết bị chuyên dùng;
- Dịch vụ tổ chức các sự kiện; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Khai thác và quản lý dịch vụ văn phòng; Dịch vụ bán lẻ; Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ ăn uống; Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng; Cung cấp các dịch vụ nhà ở cao tầng; Dịch vụ vệ sinh môi trường; Quản lý khai thác dịch vụ thể thao; Đại lý xăng dầu; Giáo dục mầm non; Vận hành khai thác và xử lý chế biến các chất thải đô thị;

- Khảo sát, lập dự án thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ; Xây dựng điểm tọa độ, độ cao địa chính; Đo vẽ thành lập bản đồ địa hình các tỷ lệ; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ; Thành lập bản đồ chuyên đề; Khảo sát, đo đạc công trình; Đo đạc thông số môi trường: thực hiện các dịch vụ về dự báo ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường, lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Do đặc thù đa ngành nghề của Công ty nên chu kỳ sản xuất kinh doanh có sự thay đổi theo thời gian và theo từng lĩnh vực cụ thể. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với hoạt động xây lắp, một số công trình xây dựng công nghiệp trọng điểm, có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Nhà nước, v.v chu kỳ sản xuất kinh doanh có thể trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 09 chi nhánh phụ thuộc như sau:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 1
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 2
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 3
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 4
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 5
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 7
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 9
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 10
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí – Đội xây dựng số 13

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 99 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 33,9 tỷ VND); lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 384,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: khoảng 312,2 tỷ VND) và đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu. Các yếu tố nêu trên dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông cũng như lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong tương lai. Trong năm 2017, Công ty chưa có cam kết hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và chưa có nguồn tạo tiền để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và quá hạn.

Ban Giám đốc Công ty quyết định lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của các công trình đang thi công còn đang dở dang được xác định theo chi phí thực tế đã tập hợp trong năm sau khi trừ đi phần chi phí đã kết chuyển vào giá vốn theo tỷ lệ giữa doanh thu và khối lượng hoàn thành nghiệm thu.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	4 - 7
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau giao cho Công ty sử dụng vô thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí thuê hoạt động và khoản mua sắm công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng ước tính theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản của Công ty là chủ đầu tư

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế là khoảng 384,9 tỷ VND, khoản lỗ này sẽ được xác định phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế và có thể được dùng để bù trừ với các khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ kỳ phát sinh. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản lỗ này do không chắc chắn về thời điểm thu được lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	113.017	274.682.538
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	1.432.865.552	14.728.150.095
Các khoản tương đương tiền (**)	2.395.000.000	17.288.088.000
	3.827.978.569	32.290.920.633

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty bao gồm khoảng 30 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 163 triệu VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang tạm dừng giao dịch. Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

(**) Phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ. Khoản tiền này được Công ty thế chấp theo Hợp đồng cấp bảo lãnh để bảo hành công trình Bờ kè Sông Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	55.551.617.731	92.149.646.599
Các khách hàng khác	5.505.482.789	7.619.643.580
	61.057.100.520	99.769.290.179

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Công nghệ Cao Đại	695.838.152	695.838.152
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Lưu Ngô Gia	484.855.215	96.497.151
Công ty TNHH Mạnh Quang	-	8.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Hòa	-	4.615.795.198
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	-	4.310.155.880
Các đối tượng khác	2.167.545.589	8.367.714.256
	3.348.238.956	26.186.000.637

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu các đội xây dựng (i)	18.074.256.284	23.224.532.439
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	4.917.824.644
Tạm ứng	514.503.908	824.995.832
Phải thu ngắn hạn khác	2.265.451.795	2.498.873.189
	25.772.036.631	31.466.226.104

(i) Thể hiện số tiền chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh tại các đội xây dựng khi thi công xây dựng công trình và chi phí Công ty giao xuống các đội xây dựng.

8. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi				
Phải thu đội xây dựng số 5	11.854.459.111	-	15.047.440.777	-
Phải thu đội xây dựng số 9	3.456.405.055	-	4.428.917.697	-
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	-	4.917.824.644	-
Các đối tượng khác	12.490.427.361	183.402.857	11.178.021.648	6.427.088.350
	32.719.116.171	183.402.857	35.572.204.766	6.427.088.350

Ban Giám đốc Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu (i)	2.288.829.278	(840.906.619)	2.300.893.263	-
Công cụ, dụng cụ	11.536.185	-	15.424.055	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.523.531.052	-	10.703.601.113	-
Thành phẩm	-	-	158.258.858	-
Hàng hóa	217.748.615.422	(34.303.365.246)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu	217.748.615.422	(34.303.365.246)	217.748.615.422	(34.303.365.246)
	231.572.511.937	(35.144.271.865)	230.926.792.711	(34.303.365.246)

- (i) Năm 2017, Công ty đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên liệu, vật liệu và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 840.906.619 VND.

Phản ánh giá trị hàng hóa bất động sản đầu tư tại Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu ("Bạc Liêu Tower"). Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp giá trị hàng hóa này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau). Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 31/TB-CCTHADS cưỡng chế thi hành án vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Oceanbank Cà Mau bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản trong đó có tòa nhà Bạc Liêu Tower. Do đó, Ban Giám đốc Công ty không đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của tòa nhà Bạc Liêu Tower nên không điều chỉnh giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	14.083.724.615	2.834.352.021	11.782.408.276	1.159.389.682	29.859.874.594
Thanh lý, nhượng bán	(821.136.395)	(1.928.465.256)	(4.180.076.191)	-	(6.929.677.842)
Tại ngày cuối năm	13.262.588.220	905.886.765	7.602.332.085	1.159.389.682	22.930.196.752
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	4.061.674.593	2.710.881.422	11.466.387.279	1.112.603.753	19.351.547.047
Trích khấu hao trong năm	637.033.839	43.050.788	151.697.772	46.785.929	878.568.328
Thanh lý, nhượng bán	(199.767.787)	(1.875.919.131)	(4.180.076.191)	-	(6.255.763.109)
Tại ngày cuối năm	4.498.940.645	878.013.079	7.438.008.860	1.159.389.682	13.974.352.266
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	10.022.050.022	123.470.599	316.020.997	46.785.929	10.508.327.547
Tại ngày cuối năm	8.763.647.575	27.873.686	164.323.225	-	8.955.844.486

Nguyên giá của tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 13.711.045.666 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.225.952.345 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dung đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
Tại ngày cuối năm	101.250.000	237.068.800	338.318.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	-	237.068.796	237.068.796
Trích khấu hao trong năm	-	4	4
Tại ngày cuối năm	-	237.068.800	237.068.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	101.250.000	4	101.250.004
Tại ngày cuối năm	101.250.000	-	101.250.000

12. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (Công ty 3C) theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty 3C cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và quyết định trích lập và ghi nhận dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư trên vào chi phí tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 5.400.000.000 VND.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn	7.304.823.158	(i)	-	
Công ty TNHH Hiệp Thành	6.710.035.484	(i)	1.333.448.417	(i)
Công ty Cổ phần Bê tông Sài Gòn	5.067.495.315	(i)	7.351.492.046	(i)
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.065.459.814	(i)	2.065.459.814	(i)
Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh Nhà Thành phố Cần Thơ	-		4.719.994.938	(i)
Các đối tượng khác	45.117.726.357	(i)	67.449.666.330	(i)
	66.265.540.128		82.920.061.545	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	2.803.632.514	(i)	2.803.632.514	(i)

(i) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	13.728.000.000
Ban điều hành dự án phía Nam - Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	2.000.000.000
Các đối tượng khác	692.794.263	753.277.263
	1.693.693.403	16.481.277.263

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phát sinh trong năm				
	Số đầu năm VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phân loại lại VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	15.929.137.481	5.510.023.806	6.808.794.018	-	14.630.367.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.246.421.108	-	-	-	1.246.421.108
Các loại thuế khác	14.708.583.464	4.395.740.538	1.121.954.572	-	17.982.369.430
Thuế môn bài	114.251.072	12.000.000	12.000.000	(114.251.072)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.693.959.753	16.581.112	30.171.947	494.566.558	2.174.935.476
Thuế khác	12.900.372.639	4.367.159.426	1.079.782.625	(380.315.486)	15.807.433.954
	31.884.142.053	9.905.764.344	7.930.748.590	-	33.859.157.807

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay phải trả	63.164.837.536	7.842.586.060
Trích trước chi phí thi công công trình	11.005.083.686	65.279.733.565
Chi phí phải trả khác	205.602.985	234.204.439
	74.375.524.207	73.356.524.064

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau (ii)	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	5.400.000.000	5.400.000.000
Kinh phí công đoàn	291.915.231	465.891.965
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	429.013.952	271.169.699
Bảo hiểm y tế	-	231.293.772
Bảo hiểm thất nghiệp	-	98.699.734
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	528.258.068	3.962.846.059
	65.346.873.877	69.127.587.855

- (i) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư của dự án Bạc Liêu Tower. Công ty có trách nhiệm thanh toán cho PVGas số tiền là 50.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển đổi chủ đầu tư Dự án Bạc Liêu Tower ngày 12 tháng 8 năm 2010 ký giữa Công ty và PVGas. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán khoản công nợ này.
- (ii) Phản ánh số phải trả tiền nhận ứng trước lớn hơn giá trị quyết toán các công trình Công ty đã thi công cho Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- (iii) Phản ánh khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về nhận chuyển nhượng khoản đầu tư mua 540.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C như trình bày tại Thuyết minh số 12.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	122.426.630.318	(i)	-	2.887.000.000	119.539.630.318	(i)
	122.426.630.318	-	-	2.887.000.000	119.539.630.318	-

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 001-0012/2013/HDTDHM1-OCEANBANK.CNCAMAU ngày 30 tháng 10 năm 2013 tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Cà Mau (Oceanbank Cà Mau) với hạn mức là 120 tỷ VND, thời hạn cung cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mức lãi suất được quy định theo từng lần giải ngân. Khoản vay này được Công ty dùng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất đối với thửa đất có diện tích 2.812,2 m² của Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu tại phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu như đã trình bày tại Thuyết minh số 9.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ("Tòa án") đã tuyên án bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương ("Oceanbank"). Theo đó, Tòa án tuyên án chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Oceanbank buộc Công ty phải có trách nhiệm trả Oceanbank số nợ gốc vay, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Trong trường hợp Công ty không trả được số nợ nêu trên thì Oceanbank có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 8 tháng 5 năm 2017, Công ty đã gửi đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên. Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều đã thông báo sẽ chuyển toàn bộ hồ sơ vụ kiện nêu trên đến Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ để tiếp tục xét xử phúc thẩm.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ đã ra Quyết định số 05/2017/QĐPT-KDTM đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ và bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST nói trên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định này.

Ngày 13 tháng 11 năm 2017, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ra quyết định số 82/QĐ-CCTHADS thi hành án theo yêu cầu của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương. Theo đó, Công ty có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn, nếu không Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 31/TB-CCTHADS cưỡng chế thi hành án vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" nói trên bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Tòa nhà Bạc Liêu Tower, máy móc thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ khác nằm trên đất theo quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước, tọa lạc tại khóm 01, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(294.708.243.540)	254.611.674
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(17.524.016.154)	(17.524.016.154)
Số dư đầu năm nay	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(312.232.259.694)	(17.269.404.480)
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(72.741.073.363)	(72.741.073.363)
Số dư cuối năm nay	280.689.000.000	6.126.552.489	8.147.302.725	(384.973.333.057)	(90.010.477.843)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 23 tháng 10 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 280.689.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp			
			Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%	150.000.000.000	53,44%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%	100.000.000.000	35,63%
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%	18.202.000.000	6,48%
Cổ đông khác	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%	12.487.000.000	4,45%
	280.689.000.000	100%	280.689.000.000	100%	280.689.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	28.068.900	28.068.900

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp trong ngành dầu khí và các công trình tư vấn đầu tư xây dựng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn đã được trình bày chi tiết theo doanh thu và giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

21. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.131.970.599	3.085.987.420
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.105.089.119	5.092.964.394
Doanh thu hoạt động xây lắp	157.566.919.831	204.140.316.882
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	40.597.736.364
Doanh thu khác	244.021.976	-
	161.048.001.525	252.917.005.060
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	158.048.834.527	204.588.043.326

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động tư vấn	1.189.050.805	2.647.109.984
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.309.112.106	4.518.843.367
Giá vốn hoạt động xây lắp	151.085.624.803	192.100.747.891
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	-	37.156.169.532
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	840.906.619	-
	154.424.694.333	236.422.870.774

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.058.314.252	62.047.412.499
Chi phí nhân công	9.963.697.571	13.705.250.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	690.062.332	1.216.321.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	101.715.787.722	2.900.913.407
Chi phí khác bằng tiền	3.992.649.140	7.688.886.020
	168.420.511.017	87.558.784.057

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay (i)	55.322.427.476	395.365.001
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.400.000.000	-
Lãi chậm thanh toán	-	1.195.318.688
	60.722.427.476	1.590.683.689

(i) Phản ánh toàn bộ lãi vay trên gốc trong hạn và lãi vay trên gốc quá hạn liên quan đến khoản vay của Công ty tại Oceanbank, trong đó lãi vay trên gốc trong hạn và lãi vay trên gốc quá hạn của các năm trước được hạch toán vào năm 2017 là khoảng 36,2 tỷ VND.

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.064.777.031	-
Giảm công nợ phải trả thông qua đàm phán	1.763.802.973	-
Thu nhập khác	1.750.586.921	2.873.856.300
	5.579.166.925	2.873.856.300

26. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Thuế, lãi phạt chậm nộp (i)	4.852.806.761	14.640.489.551
Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	-	3.344.117.764
Chi phí khác	7.490.532.906	1.428.753.478
	<u>12.343.339.667</u>	<u>19.413.360.793</u>

(i) Phản ánh các khoản tiền thuế, tiền lãi phạt chậm nộp thuế của Văn phòng và các chi nhánh của Công ty theo các Thông báo thuế trong năm 2017 của Cục Thuế thành phố Cần Thơ và Cục Thuế tỉnh Cà Mau.

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
(Lỗ) trước thuế	(72.741.073.363)	(16.479.850.932)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	12.343.339.667	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	12.343.339.667	18.300.188.715
Lỗ năm trước mang sang	-	(18.300.188.715)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước bị truy thu tại các chi nhánh của Công ty	-	1.044.165.222
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.044.165.222

28. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(72.741.073.363)	(17.524.016.154)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	28.068.900	28.068.900
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.592)	(624)

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cổ đông
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Các đơn vị trong Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	158.048.834.527	204.588.043.326
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	153.301.878.554	188.608.043.657
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.785.070.510	4.999.438.311
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành dự án phía Nam	1.569.081.908	3.033.661.645
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.392.803.555	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	7.664.943.246
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	-	281.956.467
Mua hàng, dịch vụ	3.473.021.659	500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3.473.021.659	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	500.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	604.905.023	753.089.280

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	55.551.617.731	92.149.646.599
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	45.095.176.849	76.785.819.241
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.422.953.165	7.571.456.464
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Dự án phía Nam	1.670.172.337	4.387.976.793
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	293.713.640	2.866.876.272
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	275.905.944	275.905.944
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.712.545.965	180.462.054
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	81.149.831	81.149.831
Người mua trả tiền trước	1.000.899.140	15.728.000.000
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	1.000.899.140	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	13.728.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Dự án phía Nam	-	2.000.000.000
Phải trả người bán	2.803.632.514	2.803.632.514
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.065.459.814	2.065.459.814
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	738.172.700	738.172.700
Phải trả khác	64.097.686.626	64.097.686.626
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	5.400.000.000	5.400.000.000

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bạc Liêu đã ban hành Thông báo số 31/TB-CCTHADS cưỡng chế thi hành án vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương ("Oceanbank") bằng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là Tòa nhà Bạc Liêu Tower, máy móc thiết bị và các hạng mục công trình phụ trợ khác nằm trên đất theo quyền sử dụng đất thuê của Nhà nước, tọa lạc tại khóm 01, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

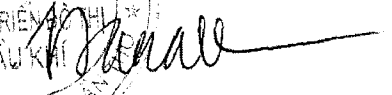
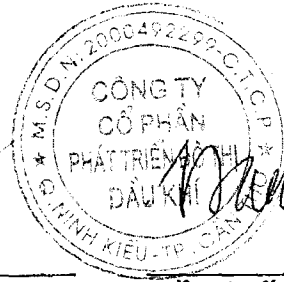


Nguyễn Xuân Liêm
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2018



Vũ Đức Tiến
Phụ trách kế toán



Trần Quốc Huy
Giám đốc